TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27/8/2018
"*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Bảo và bà Võ Thị Trúc.
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung.

Ngày 27 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị Xuân P, sinh năm 1995;
Địa chỉ: Thôn 01, xã Th, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt
Bị đơn: Anh Phan Công V, sinh năm 1995;
Địa chỉ: Thôn Y, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Mai Thị Xuân P trình bày: Chị Mai Thị Xuân P và anh Phan Công V tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 09/3/2016. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh V rượu chè, không lo làm ăn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị P đã bỏ về nhà cha mẹ tôi sống từ tháng 4 năm 2018 và vợ chồng không sống chung với nhau từ đó cho đến nay. Do vậy chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Công V.

Về con chung: Chị P và anh V có 01 con chung là cháu Phan Phương T, sinh ngày 23/6/2016. Hiện đang sống với chị P nên chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Công V trình bày trong bản khai ngày 03/6/2018 như sau: Anh V và chị P tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn theo quy định như chị P trình bày. Trong quá trình chung sống chung vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nên không đồng ý ly hôn. Anh V yêu cầu Tòa án hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ nuôi dạy con được tốt hơn.

Về con chung: Anh V và chị P có 01 con chung là cháu Phan Phương T, sinh ngày 23/6/2016. Nếu ly hôn anh V đồng ý để con cho chị P nuôi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng Tòa án nhân dân thị xã A đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu ly hôn với anh Phan Công V và giao con chung là cháu Phan Phương T, sinh ngày 23/6/2016 cho chị Mai Thị Xuân P nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị P không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Buộc chị P phải chịu số tiền 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Mai Thị Xuân P yêu cầu ly hôn với anh Phan Công V, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn Y, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã A thụ lý giải quyết án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa mặc dù bị đơn anh V đã được Tòa án Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Vì thế, theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị Xuân P và anh Phan Công V tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa chị P và anh V là hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị P và anh V có phát sinh mâu thuẫn nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Trong lời khai anh V khai rằng không muốn ly hôn và yêu cầu Tòa án hòa giải nhưng khi Tòa án đã triệu tập anh V đến để hòa giải thì anh V vắng mặt không có lý do, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với chị P. Hơn nữa giữa chị P và anh V đã không còn chung sống với nhau từ tháng 4/2018 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống vợ chồng mà mỗi người có cuộc sống riêng. Như vậy, tình trạng hôn nhân

giữa chị P và anh V là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị Xuân P là có cơ sở.

[4] Về con chung: Chị P và anh V có 01 con chung là cháu Phan Phương T, sinh ngày 23/6/2016. Hiện nay cháu đang sống với chị P nên chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T. Trong bản khai vào ngày 04/6/2018 anh V đồng ý để chị P nuôi con. Chị P có thu nhập ổn định và có đủ điều kiện để nuôi con. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của chị P, giao cháu Phan Phương T, sinh ngày 23/6/2016 cho chị P trực tiếp nuôi là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị P trình bày chị có việc làm, có thu nhập nên không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Vì thế, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị P và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị Mai Thị Xuân P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Bị đơn anh Phan Công V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Xuân P;

Về hôn nhân: Chị Mai Thị Xuân P được ly hôn với anh Phan Công V.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Mai Thị Xuân P nuôi 01 con chung là cháu Phan Phương T, sinh ngày 23/6/2016 cho đến khi cháu thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Chị P không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí: Buộc chị Mai Thị Xuân P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006967 ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh Phan Công V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (27/8/2018), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX An Khê;
- UBND xã T, TX A
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Trung Toàn